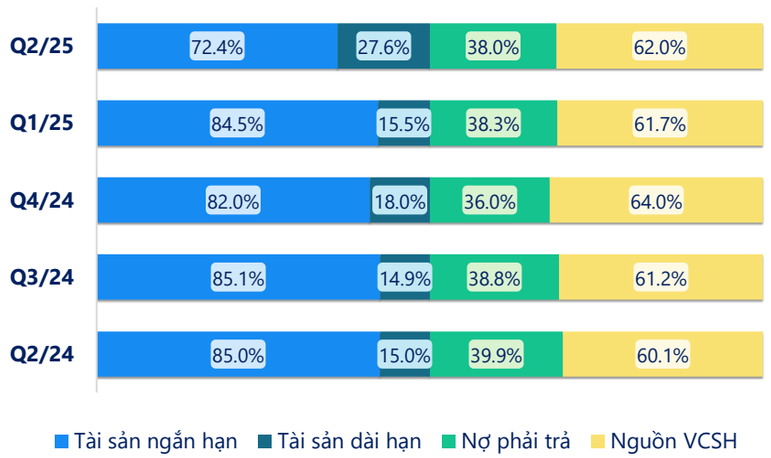
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (HSX: CCL)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	6,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,389
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,690
SL cổ phiếu LH	59,581,418
KLGD BQ 20 phiên (CP)	355,155
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	408
P/E	9.6
EPS	711

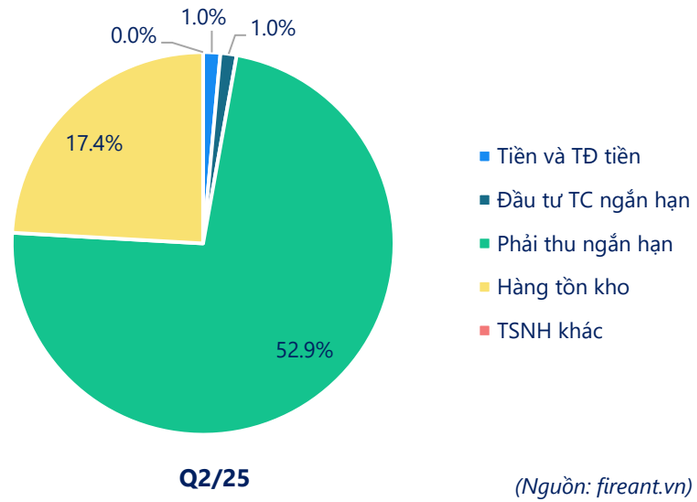
	YTD	1T	3T	6T
CCL	-24.3%	-7.2%	-8.8%	-26.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



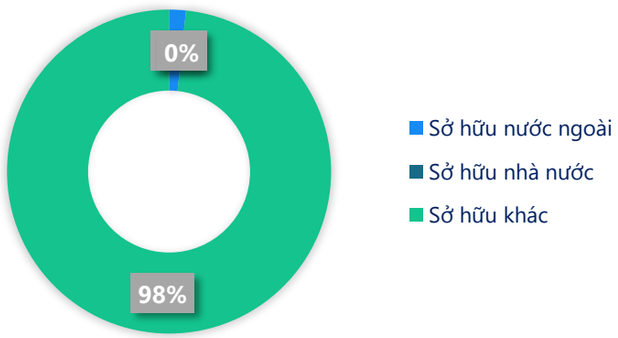
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



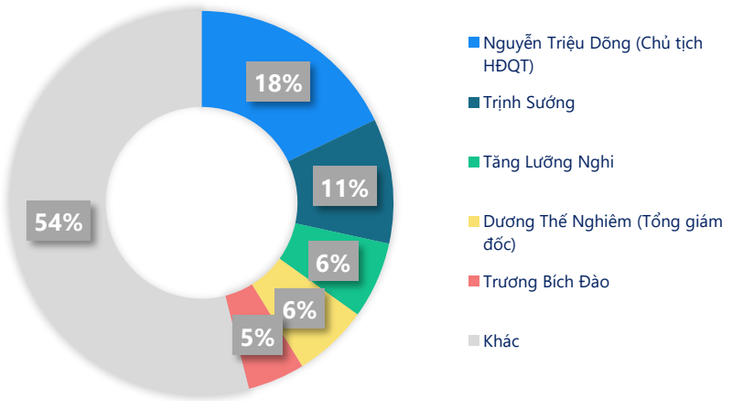
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



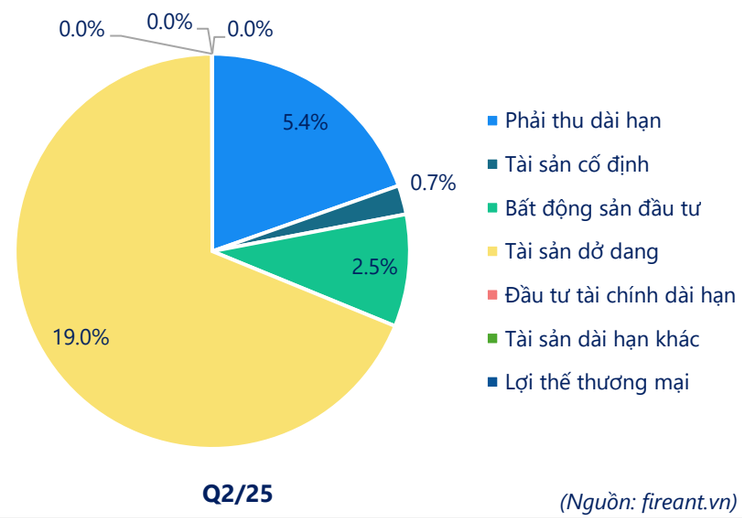
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

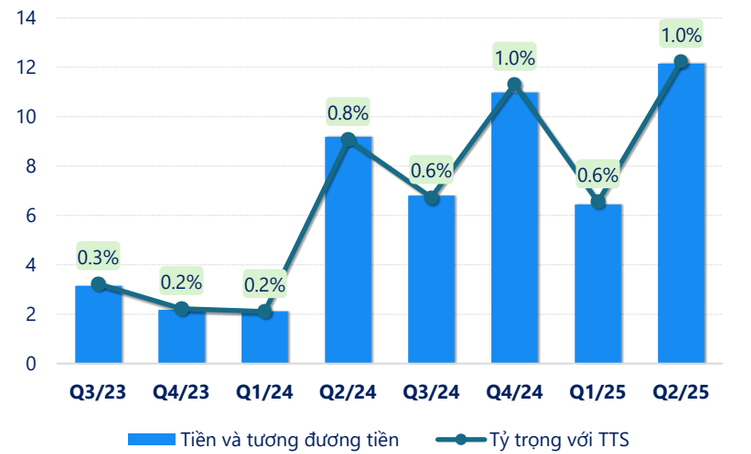


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

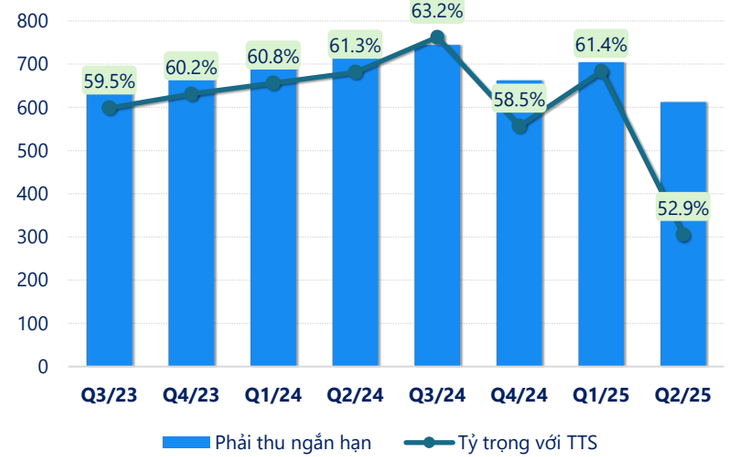
CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (HSX: CCL)

Tiền và tương đương tiền



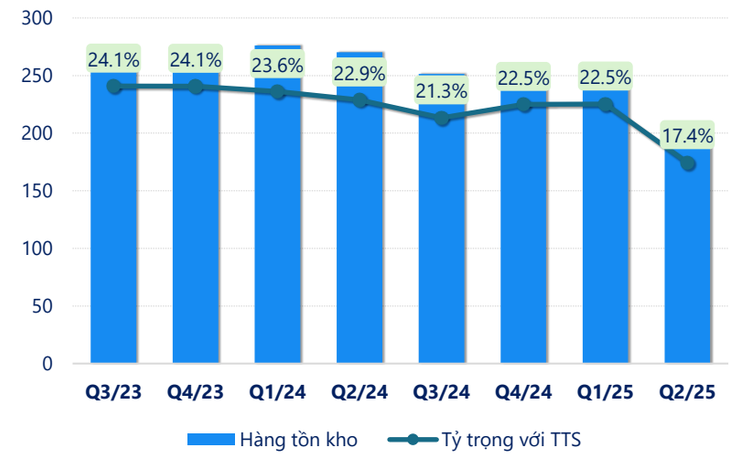
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



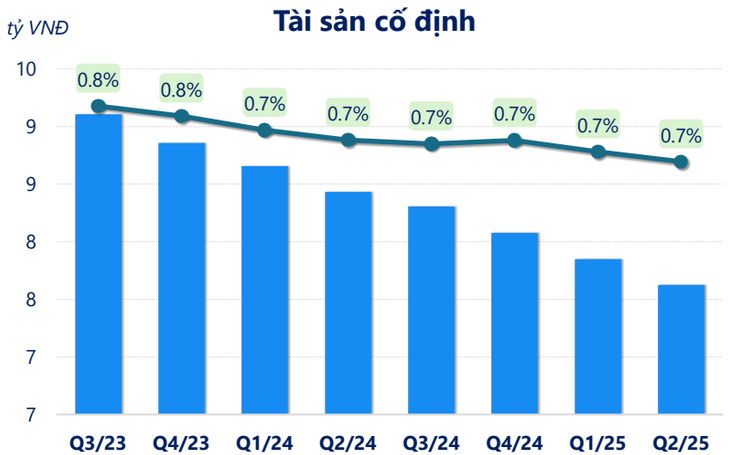
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



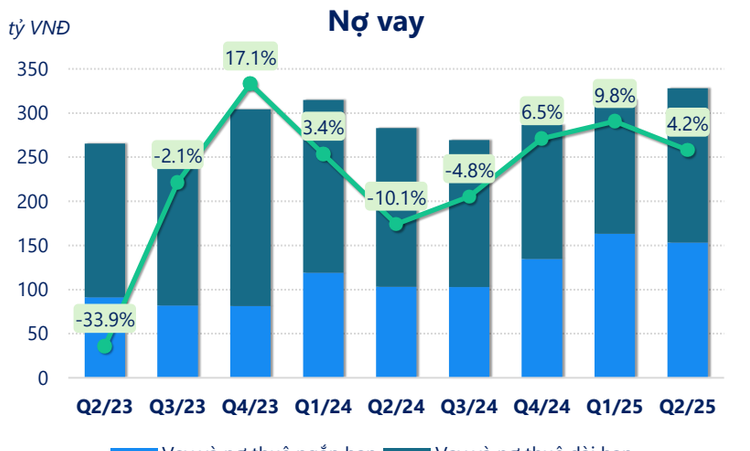
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



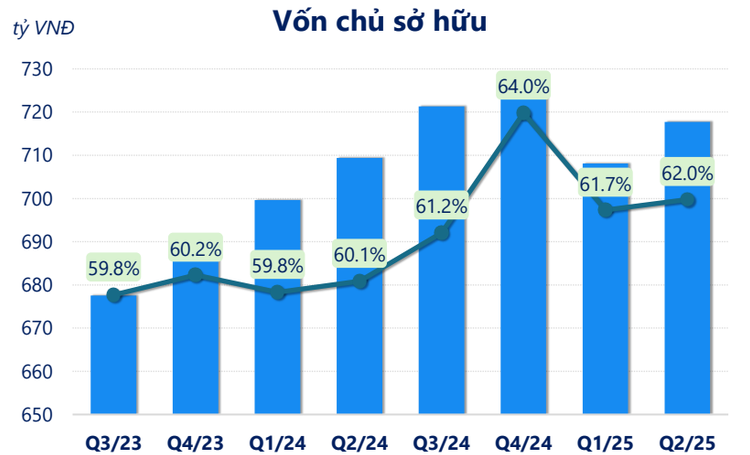
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

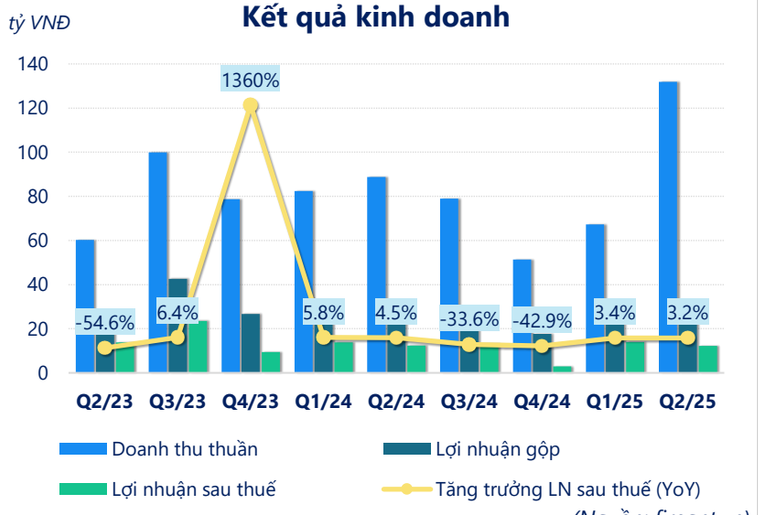


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

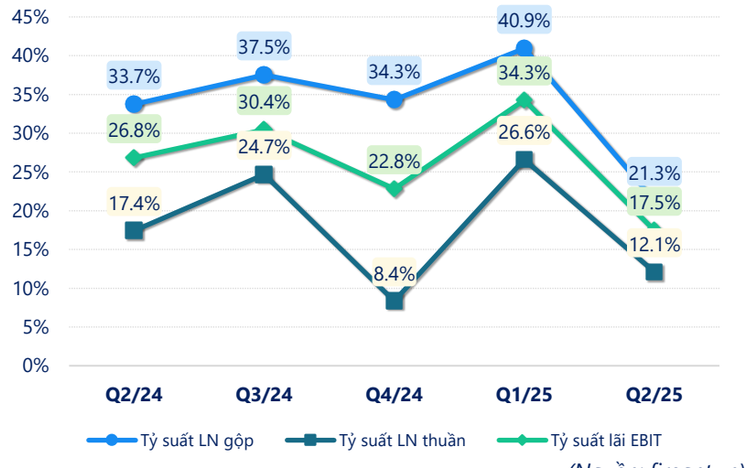
CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (HSX: CCL)

Kết quả kinh doanh



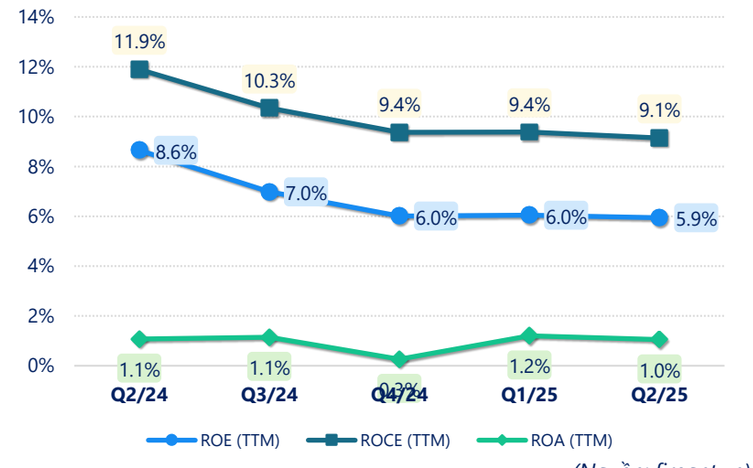
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



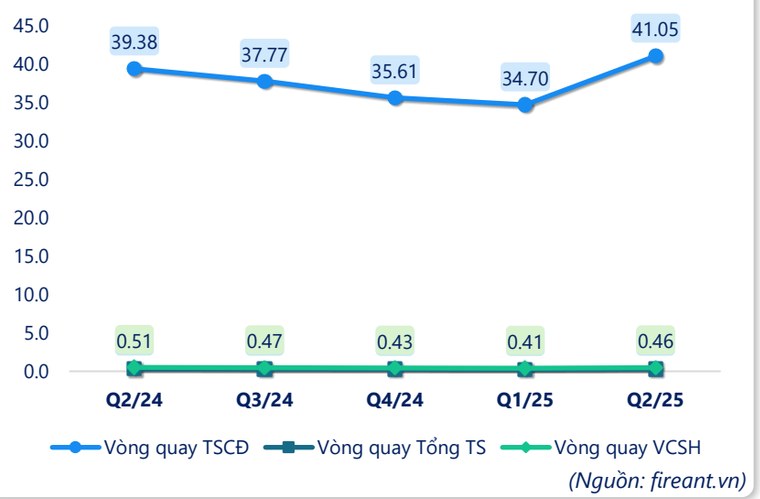
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



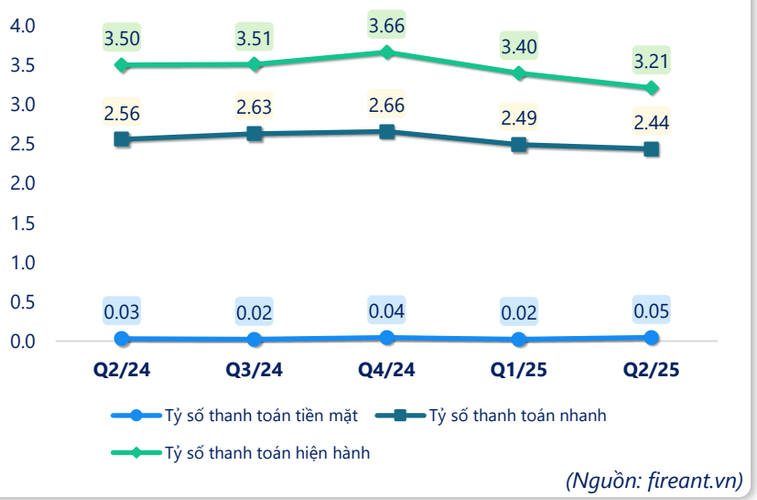
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



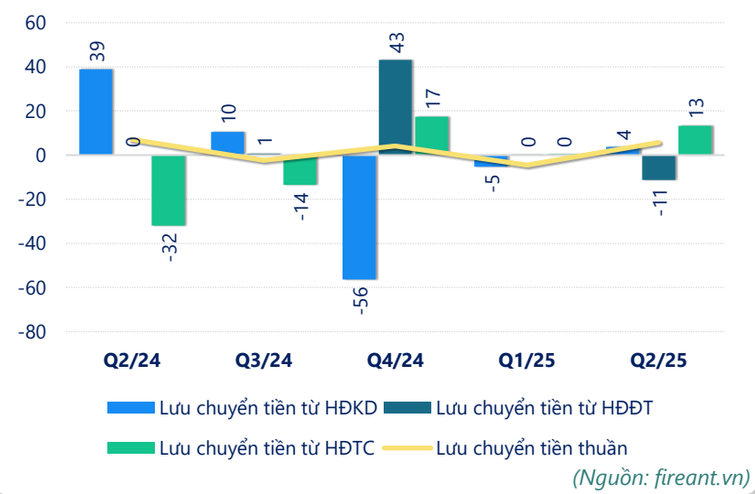
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (HSX: CCL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,158**	**1,132**	**2.3%**
Tài sản ngắn hạn	838	928	-9.7%
Tiền và tương đương tiền	12.2	11.0	10.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.4	0.02	51765%
Phải thu ngắn hạn	612	662	-7.5%
Hàng tồn kho	202	255	-20.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**320**	**204**	**57.1%**
Phải thu dài hạn	62.8	62.8	0.0%
Tài sản cố định	7.62	8.08	-5.6%
Bất động sản đầu tư	29.4	30.2	-2.6%
Tài sản dở dang	220	103	115%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.07**	**0.13**	**-42.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	440	409	7.6%
Nợ ngắn hạn	**261**	**277**	**-5.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	153	157	-2.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.56	7.48	-39.1%
Nợ dài hạn	179	132	35.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	175	130	34.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**718**	**723**	**-0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**718**	**723**	**-0.7%**
Vốn điều lệ	596	596	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	88.7	79.0	51.3	67.3	132
Giá vốn hàng bán	58.8	49.4	33.7	39.8	104
Lợi nhuận gộp	29.9	29.6	17.6	27.6	28.1
Doanh thu HĐTC	0.10	0.10	0.12	0.30	0.11
Chi phí TC	9.42	8.40	10.1	7.70	10.1
Chi phí lãi vay	8.34	6.91	8.03	5.57	7.61
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.40	0.07	1.05	0.28	0.45
Chi phí QLDN	1.74	1.78	2.27	1.98	1.67
LN thuần từ HĐKD	15.5	19.5	4.29	17.9	16.0
Lợi nhuận khác	-0.01	-2.35	-0.61	-0.40	-0.56
LN trước thuế	15.5	17.2	3.68	17.5	15.4
Lợi nhuận sau thuế	12.4	13.3	2.99	13.9	12.2
LNST của CĐ cty mẹ	12.4	13.3	2.99	13.9	12.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	38.9	10.5	-56.3	-5.29	3.68
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.10	0.71	43.1	0.30	-11.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-31.9	-13.6	17.4	0.46	13.3
Tiền đầu kỳ	2.11	9.18	6.80	11.0	6.45
Lưu chuyển tiền thuần	**7.07**	**-2.38**	**4.18**	**-4.53**	**5.71**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.18	6.80	11.0	6.45	12.2

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic